

CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

QUYỂN 5

1. Lại nói về danh thân, cú thân, văn thân:

Lại, cú thân như dấu chân... cho đến Tướng danh cú, văn thân này ông phải nên tu học. Các pháp ở thế gian không ngoài năm ấm. Đây lại y theo năm ấm để nói về danh cú văn thân. Cú thân như dấu chân, là như người đời mất voi ngựa tìm được dấu chân, cho nên tam-muội thật tướng cũng nhờ lời nói mà ngộ, gọi là danh thân cú thân. Tướng sắc ấm hiện bày nên dùng dấu vết lời nói. Bốn uẩn: gồm thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng có hình tượng cho nên dùng tên mà nói. Nếu chiếu kiến vốn vắng lặng thì đều là thật tướng. Hai thứ do văn hiển rõ nên khuyên tu học. Các bậc Thánh đó mà ngộ nhập, cho nên xả toàn thân để cầu nửa bài kệ.

2. Phạt nói kệ về ba thân:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Danh thân và cú thân, và thân chữ khác nhau, phàm ngu thường chấp đắm, như voi mắc lấy sâu”. Đức Như lai muốn dứt tâm bệnh cho chúng sinh, dùng danh cú văn thân phương tiện nói, như dùng độc phá độc. Nếu những người ngu chấp đắm danh cú, không ngộ thật nghĩa thì không hy vọng giải thoát, như voi mắc lấy sâu.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Trong đời vị lai... cho đến kia liền đáp rằng: Câu hỏi này chẳng đúng”. Vì ở trên nói tướng của danh cú văn thân, giúp cho các Bồ-tát hiểu rõ như thật nghĩa, mau chứng Bồ-đề, mở bày chúng sinh, sợ kẻ ác giác quán đời vị lai dùng bốn câu tà kiến một khác, câu bất câu v.v... để hỏi các người trí, người ấy đáp rằng: Nghĩa mà ta thông đạt là pháp chân thật lia bốn câu, nay ông hỏi như vậy, đó gọi là hỏi chẳng đúng.

3. Nói về tà trí ác tự giác:

“Nghĩa là sắc và vô thường là khác hay chẳng khác? Cho đến không giải thích”: Ở đây là nói tà trí ác tự giác, nghĩa là lời luống dối so lường không đúng lý mà vặn hỏi. Nghĩa là sắc và vô thường, cho đến

trí và trí giả là khác hay không khác. Trí giả nên bảo rằng: Các câu hỏi ấy không thể ký sự, mà Phật gọi là vô ký đáp thẳng, do người ngu kia không có văn tuệ, cho nên không biết hữu vô là tà hay chánh, muốn giúp cho người ấy lìa đoạn thường tà kiến, các điều sợ hãi, nên không giải thích. Luận Câu-xá mười chín chép: Các khế kinh nói mười bốn thứ vô ký, tức là nghĩa ấy, cũng gọi là trực đáp. Sở dĩ không đáp là vì đó là lời vô nghĩa. Biết thì cũng không tránh khỏi sinh tử, không biết thì cũng không chướng ngại Niết-bàn.

“Này Đại Tuệ! Không giải thích... cho đến các thuyết đó gọi là vô ký luận”: Nói không giải thích, là vì muốn cho ngoại đạo phải suy nghĩ lại mà tự hiểu, được lìa khỏi vọng kiến chấp đắm tác giả. Vì ngoại đạo ngay nơi ấm, lìa ấm mà chấp ngã, cho nên nói thân mạng là một hay là khác, v.v... đều là tà luận vô ký.

4. Như lai dùng bốn thứ ký luận để độ sanh:

“Này Đại Tuệ! Ngoại đạo si hoặc nói vô ký luận... cho đến khi ta nói ra vì người căn cơ chưa thuần thực”. Ở đây nói Như lai Ứng chánh đẳng giác, thường dùng bốn thứ ký luận để nói pháp độ sinh. Chỉ ký luận mục đích là ở thời gian riêng, vì chúng sinh căn cơ chưa thuần thực mà đáp thẳng, chẳng phải vì nói cho người căn cơ thuần thực, đó gọi là chỉ ký luận.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Vì sao tất cả các pháp bất sinh?... cho đến nên ta nói tất cả các pháp thường”. Nói Như lai vì chúng sinh căn cơ thuần thực, mở bày môn phương tiện tướng chân thật, tùy chủng loại kia hoặc nói bất sinh bất diệt, thường, vô thường v.v... Nghĩa là lìa năng tác, sở tác, vô tác, cho nên nói tất cả pháp bất sinh, do chứng trí quán sát pháp tự tướng, cộng tướng không thật có. Nói tất cả pháp không có tự tánh, các pháp vốn không từ đâu đến, đi cũng không đi về đâu, cho nên nói tất cả các pháp không đến đi: Thể của các pháp vốn không, vô tự tánh tướng chẳng thật có, cho nên nói tất cả các pháp không diệt. Tất cả các pháp tướng khởi tức diệt, có tánh vô thường, cho nên nói tất cả các pháp vô thường. Các pháp tướng khởi tức không khởi, vốn vô sinh diệt, cho nên nói tất cả các pháp là thường. Đó nghĩa là Như lai lìa năng thủ, sở thủ không khởi vọng tướng phân biệt, khéo léo nói pháp.

5. Phật dùng kệ để nói về bốn thứ ký luận:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Ký luận có bốn thứ, một bề phản cật vấn, phân biệt và chỉ luận... cho đến tất cả đều vô ký”. Nói bốn thứ nói năng của Như lai: 1. Đáp theo câu hỏi: gọi là nhất tướng, như hỏi tất cả chúng sinh đều sinh tử, nên một bề đáp đều sinh tử. 2. Nói

nếu có người hỏi, hỏi vặn lại họ để đáp. 3. Nghĩa là người căn cơ thuần thực hỏi, nên giải thích rộng, cho họ nghe như hỏi tất cả chúng sinh chết rồi lại sinh, nên phải nói rộng, người có phiền não chết rồi lại sinh, người không phiền não chết rồi không còn sinh lại. 4. Vì chiết phục ngoại đạo nên cần phải gác qua một bên để đáp, như hỏi thân và phiền não, gà con và gà mẹ ai có trước ai có sau, cho nên dừng mà không đáp. Như số luận chấp hữu, thắng luận chấp phi hữu. Nói các ngoại đạo chấp hữu vô, đều không thể ký.

“Khi dùng trí quán sát, thể tánh không thật có, vì lia các lời nói, nên nói vô tự tánh”: Là nói chánh trí quán sát tự tánh chẳng thật có. Là chung tụng sáu môn như tất cả các pháp không sinh v.v... ở trước sau.

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn... cho đến Tu-đà-hoàn thực hành tướng khác nhau”. Đại Tuệ do pháp vọng phân biệt của kẻ ngu ở trên sinh chủng tánh Thanh văn thừa. Nhưng trong pháp Thanh văn có bốn quả khác nhau, cho nên nêu bốn quả khác nhau để thưa hỏi. Hành là nhân hành, bậc Tu-đà-hoàn tu nhân hạnh chính là muốn chứng đến quả A-la-hán, căn cơ lợi độn cho nên có sự khác nhau.

6. Nói về bốn quả Thanh văn:

a) “Con và các Đại Bồ-tát... cho đến làm lợi ích rộng cho tất cả chúng sinh”. Là nói tướng phương tiện, là tướng phương tiện của bốn quả tu hành. Tu-đà-hoàn, Hán dịch là Dự lưu, nghĩa là từ địa vị phạm phu tu bảy phương tiện, khởi tám nhãn tám trí, rơi vào ba cõi bốn đế xuống đến tám mươi tám sử phân biệt hoặc, dứt đến tám mươi bảy phẩm gọi là Sơ quả hưởng, tám mươi tám phẩm hết gọi là Sơ quả, mới bước vào dòng Thánh, nên gọi là Dự lưu.

b) Tư-đà-hàm, Hán dịch là Nhất vãng lai, nghĩa là Sơ quả thấy đạo rồi, khởi chín đạo vô giáo, chín đạo giải thoát, dứt chín địa trong ba cõi và chín lần chín tám mươi một phẩm tu hoặc, còn chín phẩm tu hoặc trong cõi Dục, gồm bảy lần sinh xuống nhân gian, thân ở Sơ quả, dứt năm phẩm trước của cõi Dục, gọi là Nhị quả hưởng, dứt hết sáu phẩm gọi là Nhị quả. Ngay đây qua đời lại phải một lần sinh lên tầng trời, một lần sinh xuống nhân gian, dứt ba phẩm hoặc còn lại nên gọi Nhất vãng lai.

c) A-na-hàm, Hán dịch là bất lai, nghĩa là thân đã ở Nhị quả, dứt chín phẩm tu hoặc cõi Dục, đến hết tám phẩm gọi là Tam quả hưởng, dứt hết chín phẩm gọi là Tam quả, một phen trở lại các tầng trời cõi Sắc, không thọ sinh trở lại cõi Sắc, nên gọi là Bất lai, người chứng ba

quả trên gọi là Hữu học.

d) A-la-hán, có ba cách dịch: 1. Sát tặc. 2. Vô sinh. 3. Ứng cúng: Nghĩa là thân ở trong ba cõi, dứt bảy mươi hai phẩm hoặc do tu mà dứt trong Địa thứ tám ở hai cõi trên, dứt đến bảy mươi một phẩm, gọi là Đệ tứ quả hưởng, đoạn hết bảy mươi hai phẩm gọi là địa vị vô học quả thứ tư A-la-hán. Đây chỉ là hết phàm tình, không có Thánh giải riêng, Bồ-tát được phương tiện khéo léo giảng nói cho chúng sinh nghe pháp Thanh văn như vậy, pháp Bồ-tát như vậy, giúp cho họ chứng được người pháp vô ngã, sạch hoặc trí chướng, đối với tướng các địa rất ráo thông đạt, đạt đến cảnh giới sở chứng của Như lai, được pháp thân pháp tài của Phật, thỉnh Như lai nói bốn quả khác nhau.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông nghe... cho đến sự khác nhau có ba là hạ, trung, thượng”: Trên hỏi các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hành. Nay đáp rằng, các quả Tu-đà-hoàn, ý nói hiển bày lẫn nhau, lợi độn khác nhau, cho nên có ba.

7. Nói về Tu-đà-hoàn và A-la-hán:

“Này Đại Tuệ! Bậc hạ thì ở trong các hữu cho đến bậc thượng tức ngay đời này nhập vào Niết-bàn. Bảy lần sinh trở lại, nghĩa là ở cõi Dục, chín phẩm cấu sinh phiền não, gồm bảy lần sinh lại. Sơ phẩm trở lại hai lần sinh, kế ba phẩm đều một lần sinh, kế là nhị phẩm còn một lần sinh, ba phẩm sau cùng một lần sinh: Là nói về quả Tu-đà-hoàn thấp nhất, chưa dứt hoặc cõi Dục cho nên sinh ở tầng trời, người bảy lần mới đắc quả A-la-hán, thí như rắn độc cắn người, đi bảy bước liền chết, vì sao không phải bốn hay sáu! Vì sức mạnh. Vì sao không phải là tám! Vì năng lực chất độc. Lấy thí dụ Tu-đà-hoàn, vì sao không sáu lần sinh? Vì sức mạnh của phiền não, vì sao không tám lần sinh? Vì nghiệp vô lậu thành thực. Người trung căn hoặc ba lần sinh, năm lần sinh mới đắc quả A-la-hán Niết-bàn. Người Thượng căn ngay một lần sinh được quả A-la-hán, gọi là hiện diệt Tu-đà-hoàn, không nói trải qua hai quả trung gian mới đến A-la-hán.

8. Nói về đắc quả A-la-hán:

“Này Đại Tuệ! Ba bậc này dứt ba kiết... cho đến được quả A-la-hán.” Nói Tu-đà-hoàn tuy có lợi căn độn căn khác nhau, nhưng nói chung dứt ba thứ kiết. Nghĩa là đối với năm thủ uẩn chấp ngã, ngã sở, gọi là thân kiến, là một kiết. Đối với các đế lý do dự không quyết định, nghi Phật và ngoại đạo, không biết đâu là chánh, đây là hai kiết. Nghĩa là đối với vọng kiến thuận theo giới cấm phi lý của ngoại đạo, chấp là trên hết, sẽ được thanh tịnh, là kiết thứ ba.

9. Nói về đặc quả Tu-đà-hoàn:

Hỏi: Có khả năng dứt hẳn tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, đặc quả Tu-đà-hoàn, vì sao chỉ nói ba bậc này dứt nguy ba kiết?

Đáp: Vì thuộc về trên hết, nghĩa là ba thứ kiết này làm chướng ngại sự giải thoát rất là trên hết. Vì sao? Vì thân kiến, chấp thủ năm uẩn làm ngã, ngã sở, rất sinh mê đắm, cho nên đối với các nhóm khổ không sinh nhàm chán xa lìa, đối với sự giải thoát cao siêu không phát tâm hướng về; hoặc có hữu tình tuy đã phát tâm hướng về giải thoát nhưng do giới cấm thủ và nghi nên chấp nghiêng về tà đạo. Vì nghi ngờ chánh đạo xuất ly theo tà và xuất ly bất chánh. Lại, ba kiết này, là quên cảnh nhân sở tri, vì mê chấp nhân, mê nhân đối trị, như Kinh Đại Bát-nhã nói dứt ba kiết, gọi là quả dự lưu, mỏng dần tham, sân, si gọi là quả nhất lai, dứt năm phần thuận dưới gọi là quả bất hoàn, dứt năm kiết thuận phần trên thường gọi là quả A-la-hán. Nay tất cả tập pháp đều thành diệt pháp, gọi là Độc giác Bồ-tát. Dứt hẳn tất cả thói quen nối nhau gọi là Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây đều là y theo Thông giáo nêu riêng chỗ quan trọng. Nói thẳng tiến thượng thượng được quả A-la-hán, nghĩa Tu-đà-hoàn đã dứt các phần kiết là chín phẩm, người dứt được các kiết là trí, cũng chia làm chín phẩm. Nếu người mới học trí tuệ yếu kém, gọi là trí hạ hạ, dứt được các kiết thượng thượng. Người có trí tuệ học hiểu đã lâu, gọi là trí thượng thượng, dứt được kiết hạ hạ, được quả A-la-hán Niết-bàn.

10. Nói về xa lìa chấp người vô ngã:

“Này Đại Tuệ! Thân kiến có hai thứ... cho đến chấp người vô ngã liền lìa bỏ”: Luận Duy thức chép: Tham sân si mạn nghi, thân kiến, biệt kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, trong mười sử phiền não chung riêng này thì sáu thông câu sinh và khởi phân biệt, mặc cho sự suy xét đều được sinh. Hai thủ bốn thứ nghi và tà kiến chỉ phân biệt khởi, phải do bạn ác và năng lực của tà giáo, tự suy xét sâu xa mới được sinh.

Kinh nói thân kiến có hai thứ: là câu sinh và phân biệt, thí như nương duyên khởi tự tánh, các thứ vọng chấp tự tánh chấp đắm sinh, như nương câu sinh mà có phân biệt khởi, nghĩa là nương năm ấm mà khởi vọng tưởng thân kiến, do vọng tưởng kia không thật, nên chẳng có pháp hữu vô, kể ngu chấp ngang trái, như trong sóng nắng không có nước, bấy nai bị khát ép ngặt nên nghĩ là có nước, đây là phân biệt vọng tưởng thân kiến. Do không có trí tuệ chấp ngã, ngã sở lâu xa tương ưng. Tu-đà-hoàn quán tuy có năm ấm hợp thành người này, trong đó không có ngã. Nay quán xét kỹ cho nên thấy người vô ngã, tức thời lìa bỏ dứt

kiến chấp phân biệt về thân.

11. Dứt bỏ tướng chấp thân:

“Này Đại Tuệ! Câu sinh thân kiến... cho đến tham thì bấtg sinh, đó gọi là tướng thân kiến”: Nói năng quán khắp thân mình và thân người là ngang bằng nhau. Các ấm thọ, tưởng, hành, thức đồng với sắc ấm, có danh không có thể, không có tự tánh tướng. Quán sắc ấm do bốn đại chủng tạo ra, xoay vần nhân nhau mà sinh. Trong bốn đại đã không có chủ thể thì ai có thể nhóm họp để thành sắc?

Sắc ấm hữu chất còn không, hưởng chi là bốn uẩn như thọ uẩn... không có sắc tướng, chẳng lẽ chẳng phải không ư! Quán sát như vậy thấy rõ hữu vô đều là vọng không thật. Năm ấm không có tự thể, thân kiến liền dứt, hễ người tham ái thì chấp có thân kiến, xả thân kiến thì tham từ đâu sinh? Cho nên Kinh Pháp Hoa chép: Các khổ là nhân, tham dục là gốc. Nếu tham bất sinh, đó gọi là dứt bỏ tướng thân kiến.

12. Dứt tướng nghi:

“Này Đại Tuệ! Tướng nghi là đối với pháp sở chứng khéo thấy tướng... cho đến đó gọi là tướng nghi”. Nghĩa là đối với pháp bốn chân đế sở chứng khéo thấy được tướng kia, quyết định cắt đứt hai thứ vọng tướng thân kiến thì nghi không do đâu mà khởi, cũng không đối với phạm phu, ngoại đạo, thiên ma mà nghĩ họ là Đại sư, khởi chấp thanh tịnh, đó gọi là dứt tướng nghi.

13. Dứt tướng giới cấm thủ:

“Này Đại Tuệ! Vì sao Tu-đà-hoàn không chấp giới cấm!... cho đến đó gọi là tướng giới cấm thủ”: Nói Tu-đà-hoàn không chấp giới thọ sinh ở đời sau, quán có chỗ sinh thì có các khổ, không mong cầu chỗ thọ sinh an vui. Xét chấp thủ, là những người ngu ở trong ba cõi mong cầu năm thứ dục lạc, tu tập khổ hạnh, siêng năng giữ giới, nguyện sinh về nơi ấy. Như Nan-đà vì mong cầu nữ sắc mà giữ giới, tức là hạng này. Bạc Tu-đà-hoàn, không chấp đời vị lai thọ sinh chỗ có năm thứ dục lạc, chỉ cầu sở chứng pháp trên hết vô lậu bốn chân đế lý không phân biệt, phương tiện thọ trì tu hạnh chánh giới, đó gọi là dứt tướng giới cấm thủ.

14. Lìa hai thứ tham:

“Này Đại Tuệ! Bạc Tu-đà-hoàn xả bỏ ba kiết... cho đến vì thế xả bỏ việc ấy chẳng phải tham Niết-bàn”: Phạm phu không thể bỏ ba kiết, không thấu đạt người vô ngã. Do chấp thân nên giữ gìn ngã này, tham danh lợi cho là vinh hạnh cái ngã, sân trái với tình cảnh sợ xâm hại, ngã ngu si lầm hiểu phi lý chấp chặt, không biết năm uẩn đều là vô ngã,

không có chủ thể, chỉ là sắc tướng hình hài. Tâm vọng tưởng từ vô thỉ đến nay, do năng lực nhân duyên cho nên niệm niệm sinh diệt, nối nhau không cùng, như nước nhiều từng giọt như ngọn đèn sáng mãi, thân tâm giả hợp dường như một dường như thường, phàm ngu bất giác chấp là ngã, cho nên khởi kiết. Người Tu-đà-hoàn quán sát-năm uẩn vô chủ như trên, vì xả ba kiết nên lìa tham, sân, si. Phàm phu tham đắm năm dục, Thanh văn tham pháp xuất thế nhập Niết-bàn, cho nên nói tham có nhiều thứ; nữ sắc là nặng nhất, cho nên nói riêng vì xả dục triền miên và chứng đắc tam-muội chánh thọ lạc, chưa thể dứt tham Niết-bàn, Bồ-tát thừa đối với hai thứ tham này đều có khả năng lìa bỏ.

15. Nói về Tu-đà-hoàn:

“Này Đại Tuệ! Thế nào là quả Tư-đà-hàm... cho đến mà nhập Niết-bàn, đó gọi là Tư-đà-hàm”. Không rõ sắc tướng, khởi lên phân biệt sắc. Tư-đà-hàm quán chiếu các thứ sắc tướng từ vọng tưởng sinh, cho nên còn một lần sinh trở lại vào tầng trời, cõi người, khéo tu thiền tịnh trí tuệ, ngã kiến chẳng sinh, hết sạch bờ mé khổ mà chứng đắc Niết-bàn, nên gọi là Tư-đà-hàm.

16. Nói về A-na-hàm:

“Này Đại Tuệ! Thế nào là quả A-na-hàm... cho đến không còn trở lại, đó gọi là A-na-hàm”: A-na-hàm còn gọi là ra khỏi bùn dục. Vì phiền não ở cõi Dục giống như bùn lầy. A-na-hàm đã vượt ra khỏi cõi Dục đều sinh lên cõi Sắc. Quán sát sắc tánh ba đời không thật, chấp phàm phu có chỗ sinh tức là có các khổ tội lỗi. Nếu phiền não thói quen không sinh khởi lìa bỏ các kiết thì không còn thọ sinh lại ở cõi Dục, tức là sinh lên các tầng trời cõi Sắc dứt hết các lậu, do đó gọi là A-na-hàm.

17. Nói về A-la-hán:

“Này Đại Tuệ! A-la-hán... cho đến vọng tưởng không còn gọi là A-la-hán”. Nói A-la-hán tu hành Bốn thiền và ba tam-muội, liễu ngộ tám giải thoát, phần chứng mười lực, ba minh, sáu thông đều đã thành tựu, dứt hẳn phiền não phát nghiệp chiêu cảm các khổ vọng tưởng, nên gọi là A-la-hán.

18. Có ba loại A-la-hán:

“Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn dạy A-la-hán có ba thứ... cho đến kia thị hiện sinh”: Luận Du-già và luận Pháp Hoa nói Thanh văn có bốn hạng: 1. Quyết định chủng tánh cũng gọi là Thú tịch. 2. Tăng Thượng mạn, đây là phàm phu đắc thiền thứ tư, gọi là A-la-hán. 3. Lui sụt rồi lại phát đại tâm Bồ-đề, cũng gọi là chủng tánh bất

định. Như trong hội Pháp Hoa, ngài Xá-lợi-phất... được thọ ký Thanh văn, đó là loại này. 4. Ứng hóa không chân thật, nghĩa là Phật và Bồ-tát biến hóa thị hiện dắt dẫn Thanh văn thật hưởng đến Đại thừa. Kinh này hỏi trừ tăng thượng mạn chỉ có ba thứ, nghĩa là nói như thế nào? Phật bảo Đây Đại Tuệ! A-la-hán thú tịnh định tánh nói trên đã dứt bỏ bốn trụ phiền não, vượt khổ sinh tử, chứng được Niết-bàn, chẳng phải những người đã lui sụt rồi trở lại phát tâm đại Bồ-đề. Những người ấy đã từng phát hạnh nguyện rộng lớn khéo léo, thành thực loài hữu tình, được Phật hóa độ, làm trang nghiêm các cõi Phật và quyến thuộc trong chúng hội”, thị hiện làm A-la-hán.

“Đại Tuệ ở trong chỗ luống dối nói pháp bằng mọi cách... cho đến tự tâm hiện ra, chứng được quả tướng”. Nói vì ở chỗ chúng sinh vọng tưởng nói pháp bằng mọi cách, dứt các phiền não, chứng đắc tứ quả, người hành thiền có sự hiểu biết đúng như thật và các thiền tam-muội đều là tánh lìa, do tự tâm lượng luống dối mà thấy, chứng đắc quả tướng.

19. Chúng đắc bốn quả không nghĩ là mình chứng đắc bốn quả:

“Đây Đại Tuệ! Nếu Tu-đà-hoàn nghĩ rằng... cho đến và các kiết không dứt”. Đây là nói sơ quả dứt kiết, không hề nghĩ rằng, ta dứt bỏ được kiết. Nếu nghĩ thì có hai lỗi, sẽ rơi vào thân kiến và tam kiết v.v... đều không được dứt trừ, so sánh với ba quả còn lại cũng giống như vậy. Cho nên Kinh Kim cương, Phật hỏi Tu Bồ-đề: Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, có được nghĩ rằng mình đắc bốn quả như Tu-đà-hoàn v.v... hay không? Tu-bồ-đề đều nói là không. Nếu nghĩ như vậy tức là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tuy nói quyền thừa yếu kém nhưng nếu không lìa vọng niệm thô nặng, cũng không thể dứt bỏ sinh tử phần đoạn.

“Lại nữa, Đây Đại Tuệ! Nếu muốn vượt qua vô lượng các thiền... cho đến không lìa tâm”. Ý nói muốn vượt qua các thiền Thanh văn, bốn tâm vô lượng và bốn không định của cõi Vô sắc, v.v... được tam-muội của Như lai thì phải lìa tướng tự tâm vọng tưởng trong ba cõi. Đây Đại Tuệ! Cực quả Thanh văn cho, định tưởng, thọ, diệt làm rốt ráo. Nếu cho rằng siêu tâm lượng thì không đúng, vì sao! Vì tâm vọng tưởng chưa dứt.

20. Phật nói kệ để tuyên lại nghĩa trên:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói lại bài kệ rằng: Các thiền và vô lượng, vô sắc tam-ma-đề, và các thọ tướng diệt, do tâm, chẳng thật có”. Các thiền là Bốn thiền. Vô lượng là bốn vô lượng tâm từ bi hỷ xả hóa độ chúng sinh. Vô sắc tam-ma-đề, là bốn vô sắc định thọ tướng đều vắng

lặng, đều duy tâm lượng, kia thấy vô hữu cho nên nói do tâm, chẳng thật có.

21. Nói về bốn quả Thanh văn:

“Quả Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, các bậc Thánh như thế, đều nương tâm vọng có”: Kế là nói về bốn quả, cũng không lia tâm vọng tưởng, cho nên nói các bậc Thánh như thế, đều nương tâm vọng có. Kinh Viên Giác chép: Vì có vọng nghiệp nên vọng thấy trôi lăn, người nhàm chán sự trôi lăn vọng thấy Niết-bàn.

Thiền và thiền sở duyên, dứt hoặc thấy chân đế, đây đều là vọng tưởng, liễu ngộ tức giải thoát. Câu tụng đầu nói về thành pháp sở tu, câu kế nói người có khả năng tu chứng, câu thứ ba năng sở hợp rõ, đều không lia tâm lượng vọng tưởng. Nếu thật giác ngộ, vì vọng chấp sinh tử nên nói Niết-bàn. Sinh tử bị dứt bỏ đã không thì Niết-bàn là pháp năng trị cũng bỏ, cho nên đặc Bồ-đề thì tất cả giải thoát.

Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có hai thứ giác trí... cho đến và thủ phần phân biệt chấp đắm lập ra trí. Vì bài kệ trên nói biết rõ thì giải thoát, nhưng tri giác có mà không giải thoát, cho nên nêu hai thứ giác trí để phân biệt tốt xấu, nghĩa là quán sát biết người vô ngã và pháp vô ngã, là Chánh giác trí, không biết hai thứ người vô ngã pháp vô ngã, vọng tưởng tướng chấp đắm lập ra hữu ngã, hiểu biết như vậy là tà giác trí, không được giải thoát.

22. Như lai dùng nên tháo nê:

“Quán sát trí, nghĩa là quán tất cả các pháp... cho đến quán pháp như vậy, ông nên tu hành. Thế nào là chấp tướng phân biệt chấp đắm lập ra trí... cho đến đó là tướng của hai thứ giác trí”: Phạm phu chấp đắm có đại chủng tánh tướng, vọng tưởng phân biệt, dùng tông nhân dụ, pháp ngũ phần luận, thành tựu không thật mà vọng lập ra, đó gọi là tà chánh thứ hai giác trí tướng, Như lai dùng nên tháo nê, như trước phá chấp của ngoại đạo, cũng nói ba chi tỷ lượng năm phần luận.

“Đại Bồ-tát biết trí tướng này... cho đến ánh sáng chiếu soi cả trăm cõi Phật”. Đại Bồ-tát, đạt vọng tức chân, biết hai thứ giác này, hiểu rõ người và pháp không, ngã cũng không còn, do trí vô tướng là niệm. Nhưng hành vị thắng giải của Địa tiền, khéo léo quán sát thì nhập Sơ địa, đặc trăm môn tam-muội như Đại thừa quang minh v.v... Nhờ thắng lực kia thấy cả trăm Đức Phật... cho đến ánh sáng soi chiếu cả trăm thế giới Phật. Cho nên Nhiếp Luận chép: “Khi Bồ-tát nhập Sơ địa, chứng mười tám minh môn: một là chỉ trong một sát-na chứng một trăm tam-ma-địa, hai là dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy trăm cõi Phật,

ba là dùng năng lực thần thông, làm rung chuyển trăm thế giới Phật, bốn là có thể đến cả trăm thế giới Phật hóa độ chúng sinh, năm là có khả năng dùng một thân hóa thành trăm thứ thân hình, cho loài hữu tình trông thấy, sáu là có khả năng thành tựu trăm thứ hữu tình được hóa độ, bảy là nếu vì lợi ích thì có khả năng lưu thân trụ ở đời trăm kiếp, tám là có khả năng biết việc trăm kiếp trước sau, chín là dùng trí tuệ nhập bách pháp minh môn, thông suốt tất cả, mười là có thể dùng thân quán trăm loại quyền thuộc, các địa còn lại thì tăng lên gấp bội.

“Khéo biết tướng các thứ địa trên... cho đến cảnh giới tự giác tam-muội thẳng lạc”. Nói địa Ly cấu thứ hai cho đến Như lai đều thành tựu mười nguyện vô tận trong sơ địa, việc này trong Kinh Hoa nghiêm v.v... các kinh khác cũng có nói.

23. Biết đại chủng tạo sắc là không thật:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát phải hiểu rõ bốn đại tạo sắc”:

Vì ở trên ngoại đạo chấp có bốn đại chủng tánh, tạo ra sắc tướng bốn đại, kế là khuyên Bồ-tát khéo phải hiểu bốn đại tạo sắc là không thật.

“Thế nào là Bồ-tát biết rõ bốn đại chủng v.v... cho đến trụ vào chỗ như thật, thành tựu tướng vô sinh”: Vô sinh, nói chung có hai: 1. Lý vô sinh, tánh viên thành thật vốn bất sinh. 2. Sự vô sinh, tướng duyên sinh tức là vô sinh. Nói trụ chỗ như thật, thành tựu tướng vô sinh, nghĩa là quán ba cõi do tâm hiện, lìa ngã, ngã sở, năng chứng lý sự đều vô sinh.

24. Ngoại đạo có bốn vọng chấp:

“Nay Đại Tuệ! Các đại chủng kia vì sao tạo sắc... cho đến Đại chủng tạo sắc sinh”. Đây là nêu ra ngoại đạo. Vọng chấp có bốn đại chủng sinh tạo sắc, nghĩa là kia vọng tưởng chấp có tánh thấm nhuần là thủy đại chủng, sinh ra thủy giới trong ngoài, trong tức máu, mồ hôi, nước dãi, ngoài thì sông suối, biển nguồn. Có tánh nóng cháy thành thực là hỏa đại chủng, sinh trong ngoài cõi lửa, bên trong thì thể bao gồm hơi ấm, bên ngoài đốt cháy muôn vật, có tánh thổi động làm phong đại chủng, sinh ra phong giới trong ngoài, bên trong hơi thổi vận động, bên ngoài thì muôn tiếng đều vang, có tánh sắc chất giới hạn là địa đại chủng; sinh ra địa giới trong ngoài. Bên trong tức da thịt, gân cốt, bên ngoài là đồng bằng, gò cao, vọng tưởng chấp có ẩm thấp, ẩm động, xa lìa hư không. Do chấp tà đế, không rõ năm ấm, do hư giả chứa nhóm, vốn không có tự tánh. Nói do đại chủng tạo sắc sinh, cho nên ở trên Đức Phật bảo Bồ-tát phải khéo biết rõ.

“Nay Đại Tuệ! Vì thức chấp đắm các thứ... cho đến ở trong các

đường nổi tiếp thọ sinh”. Nói thức, tức vọng thức trong năm ấm ở trên, do mê chân tâm mà thành chấp đắm các thứ nói năng cảnh giới làm thân, khởi nhân, tạo nghiệp thọ sinh, ở trong các cõi nối nhau không dứt. Phải biết thân bên trong, cảnh bên ngoài, bốn đại năm ấm, chỉ tâm lượng vọng tưởng phân biệt biến hiện ra.

25. Tướng đại chủng tạo sắc là do ngoại đạo phân biệt:

“Này Đại Tuệ! Địa v.v... là nhân của tạo sắc đại chủng... cho đến ngoại đạo phân biệt cho rằng chẳng phải pháp do ta nói”: Chẳng phải bốn đại chủng là nhân đại chủng, nghĩa là đều do tâm hiện, cho nên kết luận rằng: tướng đại chủng tạo sắc này là do ngoại đạo vọng tưởng phân biệt.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Nay ta sẽ nói thể tướng của năm uẩn... cho đến chẳng phải các bậc Thánh”. Dưới đây lại bác bỏ năm uẩn đều không, chẳng có tự tánh tướng, chẳng phải chỉ có sắc ấm, bốn đại là không thật.

“Các bậc Thánh chỉ nói các thứ sắc tượng như huyễn... cho đến đó gọi là tướng tự tánh của các uẩn”: Nói bậc Thánh tuy thấy năm uẩn, nhưng biết rõ không thật, chỉ là giả lập, lìa khác và không khác, như huyễn như mộng, cho nên Kinh Đạt Bát-nhã chép: Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, biết sắc đúng như thật cũng như chum bọt nước, tánh không bền chắc, như thật biết thọ cũng như bọt nổi, luống dối không trụ, mau sinh mau diệt, như thật biết tướng giống như sóng nắng, nước không thật có, luống dối khát ái mà nghĩ như vậy: biết về như thật hành giống như cây chuối, tách ra từng bẹ đều không thật có, như thật biết thức giống như việc huyễn, do các duyên hòa hợp giả lập mà có, tướng tuy dường như có mà không thật, cho nên năm uẩn không thật có riêng. Không biết cảnh giới sở chứng của Như lai, mà thấy có pháp uẩn, chấp đắm vọng tưởng phân biệt thường hiện trước mắt, đó gọi là vọng tưởng tướng tự tánh các uẩn.

26. Thật tướng các pháp xưa nay không có tướng khởi:

“Này Đại Tuệ! Vọng tưởng phân biệt như vậy, các ông phải nên lìa bỏ... cho đến giống như quả đất lợi ích cùng khắp cho tất cả chúng sinh”. Pháp vắng lặng, là thật tướng các pháp từ xưa đến nay không có tướng khởi, các nghĩa còn lại lời văn.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Niết-bàn có bốn thứ”: Ở trên nói giác trí để hiển bày sinh đức tốt xấu. Ở đây nói Niết-bàn để phân rõ đức kia là tà hay chánh, đó gọi là Bồ-đề Niết-bàn hai quả đức chuyển y.

27. Niết-bàn có bốn thứ:

“Bốn thứ Niết-bàn là: các pháp tự tánh vô tánh Niết-bàn... cho đến chẳng phải pháp do ta nói”. Ngoại đạo chấp thể tánh các pháp là hữu danh tự tánh, sau đó dứt bỏ gọi là vô danh tự tánh, lấy minh để làm Niết-bàn, lại chấp có các pháp tướng danh chủng chủng tướng gọi là, sau đó quán là vô danh vô tánh, cho thần ngã là Niết-bàn. Lại chấp chung tánh tướng là hữu danh tự tướng tánh, sau cũng quán là vô danh vô tánh, cho vọng giác là Niết-bàn. Ba thứ trên đây đều xuất xứ từ sự chấp đắm của ngoại đạo, lại dứt bỏ sự trôi lăn trong năm ấm sáu đường, cho người vô ngã là Niết-bàn, đó là Niết-bàn của Hai thừa, vì chấp có năm uẩn nên cũng đồng với ngoại đạo. Vì thế Kinh Lăng-nghiêm chép: Thanh văn, Duyên giác rơi vào định tánh, đều nói trái xa với viên thông, trái thành Niết-bàn.

“Này Đại Tuệ! Điều ta nói, phân biệt sở tri thức diệt gọi là Niết-bàn”. Trước nói chứng cảnh giới tự trí, chuyển tạng thức sở y thành đại Niết-bàn. Lại nói tất cả thức tự tánh thói quen. Tạng thức, ý thức chấp đắm thói quen chuyển rồi, ta và các Đức Phật nói gọi là Niết-bàn. Đây lại nói riêng phân biệt sở tri cảnh giới thức diệt, gọi là Niết-bàn, lia chung riêng gọi là khác, đều muốn cho thói quen của các thức hiện hành đều diệt. Kế là văn hỏi đáp rất dễ hiểu.

28. Thức phân biệt diệt gọi là Niết-bàn:

“Đại Tuệ bạch Phật! Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng dựng tập thức thứ tám hay sao?... cho đến thức thứ bảy được sinh”. Như lai nói vọng tưởng thức diệt gọi là Niết-bàn, Đại Tuệ nghi ngờ khác với lời trước nói, cho nên hỏi sao không kiến tập thức thứ tám! Mà nói riêng thức diệt, chẳng phải bảy thức khác đều diệt. Phải bảo Này Đại Tuệ! Vì ý thức kia chung cho cả ba tánh, khởi hoặc tạo nghiệp, làm duyên với các thức, và duyên cảnh giới, bảy thức còn lại nương đó mà khởi. Nếu ý thức diệt thì các thức còn lại không sinh.

“Này Đại Tuệ! Ý thức phân biệt cảnh giới... cho đến tư lương chuyển theo, không có thể tướng riêng”. Nói khi thức thứ sáu hiểu rõ cảnh khởi chấp đắm, sinh ba thứ thói quen, huân tập thêm lớn thức A-lại-da, do đó Mạt-na ý thứ bảy chấp ngã, ngã sở, thường xét nét so lường, nối nhau chuyển theo không có thể tướng riêng.

“Tạng thức làm nhân làm sở duyên... cho đến tâm chứa nhóm sinh khởi xoay vần làm nhân”. Lại thức căn bản làm nhân, biến khởi căn thân, hạt giống, khí giới làm sở duyên, cho nên nói chấp đắm tự tâm hiện cảnh giới, các tâm chứa nhóm sinh, đó gọi là từ hạt giống khởi hiện. Do hiện sinh chủng, hiện chủng vô tánh giống như bó lau, thay

nhau làm nhân, cho nên nói xoay vẫn làm nhân.

29. Khi thức thứ sáu diệt thì bảy thức còn lại cũng diệt:

“Này Đại Tuệ! Thí như biển và sóng... cho đến vì vậy khi ý thức diệt thì thức thứ bảy cũng diệt” như sóng ngoài biển thay nhau dạt vào bờ, cũng xoay vẫn sinh nhau, sắc thanh hương vị xúc là tự tâm hiện cảnh giới gió, thổi động các thức niệm niệm khởi diệt, cũng giống như vậy cho nên nói khi ý thức diệt thì thức thứ bảy còn lại cũng diệt.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói lại bài kệ rằng: “Ta không cho tự tánh, và không cho tướng tác”. Bài tụng trên nói bốn thức Niết-bàn của ngoại đạo... cho là ngã không do tự tánh tác tướng mà diệt, lấy Minh đế v.v... làm Niết-bàn.

“Phân biệt cảnh thức diệt, như thế nói Niết-bàn”. Câu tụng vọng chấp Niết-bàn thức diệt, đó là Như lai Niết-bàn”.

“Ý thức là nhân tâm, tâm là cảnh giới ý, vì nhân và sở duyên, các thức nương tựa sinh”. Bài tụng trên nói tám thức xoay vẫn làm nhân lẫn nhau.

“Như dòng nước lớn cạn, thì sóng mời chẳng nổi. Như vậy, ý thức diệt, các thức thức không sinh”.

Như dòng nước lớn bị cạn thì không có sóng, để dụ cho ý thức diệt, bảy thức khác cũng không sinh, bài tụng trên thí dụ và hợp pháp.

30. Hỏi đáp về lời Phật nói đâu khác hai thừa ngoại đạo:

Hỏi: Trước nói các ngoại đạo nói chấp cảnh giới thức nối nhau diệt, tức thức nối nhau từ vô thủy diệt. Lại nói Thanh văn vọng chấp đời vị lai căn cảnh diệt, cho là Niết-bàn. Căn cảnh đã diệt, thức cũng bất sinh. Nay nói ý thức diệt như vậy các thức thức bất sanh thì đâu có khác gì với hai thừa ngoại đạo?

Đáp: Ngoại đạo chấp khi chết thân hư hoại, sáu thức không chấp cảnh không biết chỉ lìa vọng duyên, cho rằng thức thứ sáu nối nhau diệt, tức thức nối nhau từ vô thủy diệt, rơi vào chấp đoạn. Hai thừa tuy chấp đời vị lai căn cảnh diệt, sáu thức nối nhau chỉ hiện hành diệt, mà thói quen, hạt giống thật chưa diệt. Đây nghĩa là thức trong thức A-lại-da luân tập các tướng nối nhau bị dứt hẳn thì bảy thức còn lại cũng diệt theo, cho nên khác nhau.

31. Tướng khác nhau chung khi diệt thức vọng tưởng:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Nay ta sẽ nói... cho đến không còn chấp đắm tướng do vọng chấp tướng”: Ở trên nói thức vọng tưởng phân biệt sở tri diệt gọi là Niết-bàn. Nay là nói tướng chung khác nhau khi diệt thức vọng tưởng, giúp cho các Bồ-tát biết rõ là không thật, vượt các

vọng tưởng đạt đến cảnh giới Như lai, biết các kiến chấp của ngoại đạo bất sinh, lừa năng sở phân biệt, đối với duyên khởi không còn vọng chấp.

“Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng vọng chấp tự tánh khác nhau!... cho đến đó gọi là tướng vọng chấp tự tánh khác nhau” nêu mười hai tên khác của vọng tưởng phân biệt. Nghĩa như trước đã giải thích.

32. Mười hai tên gọi khác nhau của phân biệt luống dối:

“Thế nào là Lời nói phân biệt?... cho đến đó gọi là lời nói vọng tưởng”: Vọng chấp các thứ âm thanh chương cú cho là có tánh, gọi là lời nói phân biệt.

Thế nào là sở nói phân biệt?... cho đến đó gọi là sở thuyết phân biệt”: Chấp có năm pháp ba tự tánh, gọi là sở nói phân biệt.

Thế nào là tướng phân biệt?... Đó gọi là tướng phân biệt” Nói chấp đấm có bốn đại tướng, đó gọi là tướng phân biệt.

Thế nào là tài phân biệt?... cho đến đó gọi là tài phân biệt”. Chấp có tài lợi san tham chấp đấm, gọi là tài phân biệt.

Thế nào là tự tánh phân biệt?... cho đến đó gọi là tự tánh phân biệt”: Như chấp có bốn đại tánh: Ý nói tánh đất vững chắc, tánh nước ẩm ướt, tánh gió chuyển động, tánh lửa là nóng, cho đến chân tục, mỗi thứ đều có tự tánh khác nhau, gọi là tự tánh phân biệt.

“Thế nào là nhân phân biệt?... cho đến đó gọi là nhân vọng tưởng”. Nói hoặc nhân hoặc duyên, hữu vô phân biệt nhân sinh nhân, gọi đó là nhân phân biệt.

“Thế nào là kiến phân biệt?... cho đến đó gọi là kiến phân biệt?” Nướng vào hữu vô này mà khởi bốn câu chấp, đó gọi là Kiến phân biệt.

“Thế nào là lý phân biệt?... cho đến đó gọi là lý phân biệt”: Trong năm uẩn chấp ngã, ngã sở, nói pháp luống dối, đó gọi là lý phân biệt.

Thế nào là sinh phân biệt?... cho đến đó gọi là sinh phân biệt”. Chấp pháp hữu vô chắc chắn từ duyên sinh, đó gọi là sinh phân biệt.

Thế nào là bất sinh phân biệt?... cho đến đó gọi là bất sinh vọng tưởng”: Chấp các pháp vốn không sinh, thể tánh hữu vô không nhờ duyên khởi. Từ nhân duyên sinh này không nhân không quả, đó gọi là bất sinh phân biệt.

“Thế nào là tướng thuộc phân biệt!... cho đến đó gọi là tướng thuộc phân biệt”: Chấp các pháp hữu vi đều có nhân quả, thay nhau trôi buộc, như kéo vàng thành sợi, vàng nằm trong sợi, sợi tức là vàng, đó gọi là tướng thuộc phân biệt.

“Thế nào là phược giải phân biệt?... cho đến đó gọi là phược giải phân biệt”: Chấp có phiền não trói buộc chúng sinh, về sau tu đạo sẽ cởi mở cho chúng sinh. Như có người trước bị trói, sau đó được cởi mở cũng giống như vậy, đó gọi là phược giải phân biệt.

“Này Đại Tuệ! Đó là tướng khác nhau của tánh vọng chấp... cho đến hoặc có hoặc không”: Ý nói kẻ ngu vọng chấp hữu vô mà sinh ra sự phân biệt này.

33. kẻ ngu chấp huyễn là thật:

Này Đại Tuệ! chấp đắm duyên khởi... cho đến phạm ngu phân biệt, thấy khác với huyễn”: Đối với y tha duyên khởi sinh ra các thức vọng tưởng tự tánh, như nương chú thuật mà thấy các việc huyễn, kẻ ngu vọng tưởng thấy khác với huyễn, chấp có các vật thật.

“Này Đại Tuệ! Huyền và các thứ... cho đến đối với huyễn hữu lẽ ra sinh chấp đắm: Nói chú thuật và các vật lìa một, khác. Nếu các vật khác với chú thuật, thì chú thuật không nên làm nhân cho các vật. Nếu nói các vật và chú thuật là một, thì chú thuật và các vật lẽ ra không khác nhau, nhưng thấy chú thuật khác với các vật, cho nên lìa khác và không khác. Vì vậy Đức Phật bảo Đại Tuệ và các Bồ-tát, như nương ảo thuật sinh ra các vật, lìa một khác hữu vô chớ nên chấp đắm.

34. Phật nói kệ về kẻ ngu vọng tâm bị cảnh giới sanh tử trói buộc:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn nói lại bài kệ rằng: Tâm bị cảnh trói buộc, giác tưởng trí tùy chuyển”: Nói kẻ ngu vọng tâm bị cảnh giới sanh tử trói buộc, vọng tưởng trí tùy theo cảnh giới mà chuyển biến. Giác nghĩa là vọng giác.

“Chỗ trên hết, vô tướng, bình đẳng trí tuệ sinh”: Chỗ vô tướng là Địa thứ tám, chỗ trên hết là địa vị Phật. Nói hai địa trên chứng đắc Niết-bàn và sinh tử bình đẳng.

“Ở vọng chấp là có, ở duyên khởi thì không”. Như sợi dây chấp là rắn, vọng tình cho là có, đối với sợi dây là duyên khởi, tướng không có thật.

“Vọng chấp mê hoặc lấy, duyên khởi lìa phân biệt”: Ý nói vọng chấp hoặc tâm chấp sợi giây là rắn, duyên khởi sợi dây thể thật chẳng có tướng rắn, một hàng này nêu duyên khởi phá vọng chấp.

“Các thứ chi phần sinh, như huyễn không thành tựu, tuy hiện các thứ tướng, vọng phân biệt thì vô”: Nghĩa là có các thứ danh tướng chi phần sinh, nếu do huyễn khởi thì không thành các thứ, tuy hiện các tướng, nhưng rõ vọng phân biệt thì đều không thật. Luận Duy Thức

chép: Y tha khởi tự tánh phân biệt duyên sinh, một hàng này phá duyên khởi.

“Tướng kia tức là lỗi, đều từ tâm phược sinh, vọng chấp không biết rõ, pháp phân biệt duyên khởi”: Duyên kia khởi tướng tức là lỗi, nghĩa là từ tâm trói buộc phiền não mà sinh, người ngu không biết nên phân biệt cho là thật có không.

“Các tánh vọng chấp này, đều là duyên khởi kia”: Ở trên nói Duyên khởi từ tâm vọng chấp trói buộc mà sinh. Ở đây lại nói tánh vọng chấp từ duyên khởi sinh, tức là duyên khởi.

“Vọng tướng có các thứ, trong duyên khởi phân biệt”: Tánh vọng chấp này có nhiều thức, đối với duyên khởi sinh chấp đấm, vọng tướng. Cho nên Duy Thức nói: Do các thứ biến kế kia, chấp khắp các thứ vật. Đây là biến kế sở chấp, tự tánh không thật có.

“Thế đế, Đệ nhất nghĩa, thứ ba vô nhân sinh”: Ở đây rõ ràng có thế tục đế, Đệ nhất nghĩa đế, không có thứ ba. Nếu nói đệ tam đế thì đồng với ngoại đạo vô nhân sinh.

“Vọng chấp là thế tục, dứt thì cảnh giới Thánh”: Do vọng chấp duyên mà sinh ra tất cả các pháp sinh tử hữu vô trong ba cõi, tức là thế đế. Nếu hiểu rõ duyên vô tánh vọng tướng diệt, tức là bậc Thánh cảnh giới sở hành Đệ nhất nghĩa của. Cho nên luận Duy Thức chép: Các pháp tánh lược có hai thứ: 1. Luống dối, nghĩa là vọng kế sở chấp. 2. Chân thật, nghĩa là viên thành thật, lại có hai thứ: 1. Thế tục: là y tha khởi. 2. Thắng nghĩa: là viên thành thật. Cho nên viên thành thật đối với kia thường xa lìa tánh trước, nghĩa là đối với y tha, nếu lìa vọng chấp tức là viên thành thật, cho nên nói: dứt thì cảnh giới Thánh.

“Như người tu quán hạnh, nơi một các thứ hiện, nơi kia không các thứ, tướng vọng chấp như thế”: Thí như người hai thừa ngoại đạo tu quán hạnh. Nếu khi thực hành quán tưởng màu xanh thì trời đất muôn vật đều là màu xanh; màu đỏ vàng trắng... cũng giống như vậy. Vốn chẳng phải chỗ màu xanh, chính do thực hành quán tưởng màu xanh thì là màu xanh, tức là chỗ không phải màu xanh mà thấy màu xanh. Lấy ví dụ phàm phu ngoại đạo, vọng chấp các pháp hữu vô sinh tử, cũng là nơi các pháp không sinh tử mà vọng chấp có. Cho nên nói tướng vọng chấp như thế.

“Như mắt bị các màng che, vọng tướng thấy chúng sinh, kia vô sắc phi sắc, vì không rõ duyên khởi”: Bất giác duyên khởi chỉ là giả lập, cũng như bất giác thấy tóc xoắn, vòng lửa xoay tròn không thật.

“Như vàng lìa bụi nhơ, như nước lìa bùn đục, như hư không chẳng

mây, vọng tưởng tịnh cũng thế”: Ở đây nói lìa vọng chấp cấu uế, hiểu rõ duyên khởi màng che, mắt bệnh, tức là viên thành thật thanh tịnh thật tánh, cho nên lấy ba câu trên làm ví dụ.

“Không có tánh vọng chấp, mà có ra duyên khởi, lập ra và chê bai, đều do phân biệt hoại”. Chấp duyên khởi là hữu danh lập ra, chấp vọng tưởng là vô danh chê bai. Nói sinh kiến chấp hữu vô này là do vọng tưởng phân biệt tự bác bỏ chánh kiến.

“Nếu không tánh vọng chấp, mà có duyên khởi... cho đến mà được có duyên khởi”. Hai câu trên là nói nhắc lại chấp, câu kệ kế là nói do vọng tưởng mà sinh duyên khởi, tức là bác bỏ.

“Tướng danh thường theo nhau mà sinh các vọng chấp, vì duyên khởi nương vọng, rốt ráo không thành tựu”: Hai câu trên nói về nhân duyên khởi lại sinh vọng tưởng, hai câu kế lại phá duyên khởi nương vọng tưởng, cũng đồng với vọng chấp không có tự tánh. Biết rõ vọng duyên rốt ráo không thành.

“Bấy giờ hiện thanh tịnh, gọi là Đệ nhất nghĩa”: Nếu dứt được vọng tưởng thì gọi là bậc Thánh Đệ nhất nghĩa để viên thành thật tánh.

“Vọng chấp có mười hai, duyên khởi có sáu thứ”. Câu tụng trên có mười hai thứ phân biệt, do gió của cảnh giới sáu trần thổi động mà có.

“Tự chứng cảnh chân như, kia không có khác nhau”: Cảnh giới tự chứng sở giác Thánh trí, rõ được vọng duyên kia nên không khác nhau.

“Năm pháp là chân thật, ba tự tánh cũng thế, người tu hành quán đây, không vượt ngoài chân như”. Nói người tu hành, quán năm pháp ba tự tánh thể không có hai tướng, tức là như như.

“Nương vào tướng duyên khởi, vọng chấp các thứ danh, các tướng vọng chấp kia, đều nhân duyên khởi có”: Nói duyên khởi vọng chấp lại sinh ra lẫn nhau, đều không có năng lực không thể tự lập.

“Trí tuệ khéo quán sát, không duyên không vọng chấp, trong chân thật không vật, vì sao khởi phân biệt”. Nói khi bậc Thánh tự giác trí tuệ quán sát thì không có tánh duyên khởi, cũng không vọng chấp tự tánh, tức là chánh trí như như viên thành tự tánh, vì sao kẻ ngu khởi vọng tưởng giác tri để cầu mong điều gì?

“Nếu viên thành là có, thì đây lìa hữu vô, đã là lìa hữu vô, vì sao có hai tánh?” Tánh viên thành thật là chân như hữu, viên thường tịnh diệu lìa vọng hữu vô, vốn không có hai tánh.

“Vọng chấp có hai tánh, hai tánh là vọng lập, phân biệt thấy các

thứ, sở hành Thánh thanh tịnh”: Vì vọng chấp cho nên có vọng chấp duyên khởi hai tự tánh, bậc Thánh phương tiện tùy hữu tình mà nói pháp, cũng quyền phương tiện thiết lập, giúp cho biết vọng tưởng các thứ thanh tịnh, đó là sở hành của bậc Thánh.

“Vọng chấp các thứ tướng, trong duyên khởi phân biệt, nếu khác đây phân biệt, thì rơi luận ngoại đạo”: Ở đây nói Phật pháp biết sinh tử, biết pháp duyên khởi sinh tử, từ trong tự tâm vọng tưởng sinh. Nếu chấp các pháp sinh tử hữu vô khác với vọng tưởng từ cát bụi, minh đế, tự tại... sinh thì tức là ngoại đạo luận.

“Vì các vọng nên chấp, vọng chấp đối vọng chấp, lia bỏ hai chấp này, đó là pháp chân thật”: Các kiến là năm ác kiến, vì thấy cảnh bên ngoài đồng với vọng thức, cho nên sinh vọng tưởng, nói vọng chấp đối vọng chấp, lia được duyên khởi, vọng chấp hai thứ vọng tưởng, tức là bậc Thánh trí đã chứng pháp chân thật như như.

35. Không nhờ người dạy bảo mà tự mình ngộ nhập:

“Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn... cho đến ở trong Phật pháp không từ người mà ngộ. Nay Đại Tuệ! Do ở trên nói tự chứng cảnh chân như, biết rõ duyên vọng kia không có khác nhau, cho nên nêu lên năng chứng tự giác Thánh trí, và sở chứng nhất thừa hành tướng để thưa hỏi. Muốn được sự khéo léo này, không nhờ người dạy bảo mà tự mình ngộ nhập.

36. Phật hứa nói lia chấp vọng tưởng dần nhập vào Phật vị:

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông... cho đến gọi là hành tướng tự giác Thánh trí”: Ở đây nói tự giác Thánh trí chẳng phải dùng lời nói bàn luận được, điều mà bậc tiên Thánh biết biết thương xót dạy bảo loài hữu tình, xoay vần truyền trao cho nhau, nói các pháp vô tánh, chỉ có vọng tưởng phân biệt là tội lỗi, nương lời Thánh dạy nên không vọng tưởng phân biệt, tức là tự chứng nhập. Nhưng vọng tưởng này vốn không có tự thể, nhưng vì từ vô thỉ đến nay huân tập thành tánh, phải nương vào duyên thanh tịnh quán chiếu tự giác, chẳng phải do người khác mà ngộ. Nếu lia kiến chấp vọng tưởng, thì sẽ dần dần tiến nhập vào Phật vị, tu hành như vậy, cho nên gọi tướng tự giác Thánh trí.

37. Lia năng thủ sở thủ, như thật an trụ:

“Thế nào gọi là hành tướng Nhất thừa... cho đến Phạm Thiên vương mới có khả năng được”: Nói Nhất thừa là nhất tâm, nghĩa là gồm chứa, chuyên chở. Nếu phan duyên chấp cảnh thì chở vào sáu đường. Nếu vọng tưởng không sinh thì chở đến địa nhất thật. Cho nên Phật bảo

Này Đại Tuệ! Là năng thủ, sở thủ, như thật an trụ, cho nên rõ được sinh tử là vọng tức là Niết-bàn chân thật, đốn ngộ nhất tâm thì không còn hưởng về, cho nên phàm phu, hai thừa tâm hạnh thấp kém chẳng thể biết được.

“Đại Tuệ bạch Thế tôn!... cho đến mà được giải thoát chẳng phải sở đắc của mình”: Trên nói nhất thừa, ngoại đạo, hai thừa, Phạm Thiên vương v.v... chẳng thể biết được. Tức biết Như lai phương tiện nói ba thừa, cho nên hỏi vì sao nói có ba thừa mà không nói nhất thừa. Phật bảo Này Đại Tuệ! Người Nhất thừa biết tự tánh sinh tử là Niết-bàn, các Thanh văn, Duyên giác không có tự pháp Niết-bàn, cho nên ta nói Nhất thừa vì hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ nương vào sự nhàm chán, xa lìa thế gian, điều phục tu hành mà được giải thoát, chẳng thể tự sức mình mà được pháp Niết-bàn, cho nên không nói Nhất thừa.

“Lại nữa, vì họ chưa dứt được trí chướng... cho đến cho nên ta nói ba thừa”. Nếu lỗi trên chưa dứt thì không thể thọ đại pháp cho nên đức Như lai nói ba thừa..

38. Như thật tu hành, công đức đầy đủ cũng được pháp thân tự tại của Như lai:

“Này Đại Tuệ! Những người ấy dứt bỏ được tất cả lỗi lầm thói quen... cho đến được pháp thân tự tại bất tư nghị”. Nói Hai thừa mê đắm cái vui tam-muội, tưởng là Niết-bàn. Nếu dứt được trí chướng kia và thói quen nghiệp, ngộ pháp vô ngã, đạt đến thân biến dịch sinh tử bất tư nghị, lúc ấy mới lìa được sự say mê tam-muội, đối với tam-muội vô lậu được giác ngộ. Khi đã giác ngộ rồi, tự biết an trụ các địa khác, khởi thượng thượng thăng tiến, như thật tu hành, các công đức đầy đủ cũng được pháp thân tự tại của Như lai.

39. Phật nói kệ nên tên các thừa:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại kệ rằng: Thiên thừa và phạm thừa, Thanh văn, Duyên giác thừa, chư Phật Như lai thừa, ta nói các thừa này”. Bài tụng này nói tên các thừa.

“Cho đến có tâm khởi, các thừa chưa rốt ráo... cho đến ta nói là Nhất thừa”: Nói có tâm động chấp thì có các thừa, tức chẳng phải rốt ráo. Nếu tâm vọng tưởng diệt thì không có các thừa, cũng không có người năng thừa các thừa, vì không có người cho nên cũng không lập ra các thừa, đó gọi là Nhất thừa.

“Vì nhiếp hóa người ngu nói các thừa khác nhau... cho đến Bình đẳng trí giải thoát”: Vì dẫn dắt chúng sinh cho nên nói ba thừa giải thoát, lìa các phiền não là hai thừa giải thoát. Nghĩa là chỉ hết sinh tử

phần đoạn gọi là giải thoát, kỳ thật họ chưa được giải thoát tất cả, đại trí thông đạt pháp vô ngã bình đẳng, tức là giải thoát chân thật của Như lai.

40. Nêu các ví dụ:

a) Ví dụ một: “Như khúc gỗ trên biển, thường trôi theo sóng gió... cho đến vẫn bị thói quen buộc”. Nói Thanh văn tuy dứt bỏ phiền não hiện hành, chưa dứt sở tri và vô minh căn bản, thì vẫn bị gió thói quen phiền não, tự tướng, cộng tướng thổi làm kích động tâm, thí như khúc gỗ trên biển theo gió trôi đi, bị rượu tam-muội làm say, trụ trong cõi vô lậu... cho đến nhiều kiếp không giác ngộ. Đắm mê diệt định, an trụ vào người không cho cõi vô lậu là Niết-bàn, chưa đạt đến địa vị Phật rốt ráo, nhưng cũng không lui sụt làm phàm phu, vì được thân tam-muội, tự cho là Phật, cho đến trải qua nhiều kiếp không giác ngộ, chưa đạt đến quả Phật.

b) Ví dụ hai: “Thí như người say rượu, khi tan rượu mới tỉnh, các Thanh văn cũng vậy, sau giác sẽ thành Phật”: Ý nói nếu ở cõi vô lậu mà giác, tự biết mình còn ở trong hóa thành, chưa đến đảo châu báu, lại khởi các thắng hạnh tu tập các công đức, về sau cũng được thân vô thượng của Phật.
